

**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1745/CAT-PV01

Bình Phước, ngày 17 tháng 10 năm 2023

V/v gửi tài liệu tuyên truyền về 02 dự án
luật do Bộ Công an chủ trì soạn thảo

Kính gửi:

- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Tuyên giáo - Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- Các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Đài phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công an về việc tiếp tục tuyên truyền, cung cấp thông tin về các dự án luật do Bộ Công an chủ trì soạn thảo dự kiến trình Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6; nhằm cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung cơ bản của 02 dự án luật, gồm: Luật Căn cước và Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; những vấn đề trọng tâm mà các Đại biểu Quốc hội, cơ quan, tổ chức và nhân dân quan tâm, còn nhiều ý kiến, chưa thống nhất, Công an tỉnh trân trọng gửi đến Quý cơ quan, tổ chức bộ tài liệu tuyên truyền về dự án Luật Căn cước, dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở và Báo cáo tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về đánh giá chế độ, chính sách, kinh phí, nguồn nhân lực bảo đảm thực hiện theo quy định của dự thảo Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở.

Gửi kèm tài liệu tuyên truyền.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của quý cơ quan, đơn vị./. *Đóng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Ban LĐ PV01;
- Lưu: PV01(Đ6).



GIÁM ĐỐC

Đại tá Bùi Xuân Thắng

TÀI LIỆU PHỤC VỤ TUYÊN TRUYỀN VỀ DỰ ÁN LUẬT CĂN CƯỚC

(Ngày 10/10/2023)

I. NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO LUẬT CĂN CƯỚC

Để thực hiện nhiệm vụ mà Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 của Đại hội Đảng khóa XIII đã đề ra là đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn, nhất là dữ liệu về dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, bảo đảm 100% dân số được đăng ký và quản lý thì việc xây dựng dự án Luật Căn cước có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết.

Dự án Luật này không chỉ đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về căn cước, đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân mà còn có ý nghĩa trong việc phát huy giá trị của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, giá trị và tiện ích của thẻ căn cước, căn cước điện tử trong phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về chuyển đổi số ở nước ta theo mục tiêu của Đề án số 06 Chính phủ đang triển khai thực hiện.

Trên cơ sở đề nghị của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 33/2023/UBTVQH15 ngày 17/3/2023 về việc điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023; trong đó, đã bổ sung dự án Luật Căn cước vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023).

Đến nay, việc xây dựng dự án Luật Căn cước đã được Bộ Công an thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Dự án Luật Căn cước cũng đã được Chính phủ thống nhất trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 5.

Trên cơ sở ý kiến của Đại biểu Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5, Bộ Công an đã trực tiếp phối hợp với Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông hợp chính lý, hoàn thiện dự thảo Luật Căn cước theo ý kiến của Đại biểu Quốc hội và xây dựng Báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình, chính lý dự thảo Luật Căn cước sau Kỳ họp thứ 5 của Quốc hội.

Về bố cục, dự thảo Luật Căn cước gồm 07 chương, 46 Điều bao gồm những nội dung cơ bản như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo Luật quy định theo hướng Luật này quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; căn cước điện tử; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Về đối tượng áp dụng, dự thảo Luật mở rộng đối tượng áp dụng so với Luật Căn cước công dân năm 2014, ngoài áp dụng đối với công dân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Luật này còn áp dụng đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.

3. Về quy định thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dự thảo Luật quy định theo hướng mở rộng, tích hợp nhiều thông tin khác của công dân và người gốc Việt Nam trong các cơ sở dữ liệu khác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để trực tiếp phục vụ cho việc ứng dụng tiện ích của thẻ căn cước, căn cước điện tử, kết nối, chia sẻ, thông tin người dân.

4. Về nội dung thể hiện trên thẻ căn cước, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung theo hướng lược bỏ vân tay và sửa đổi quy định về thông tin số thẻ căn cước, dòng chữ “căn cước công dân”, quê quán, nơi thường trú, chữ ký của người cấp thẻ thành số định danh cá nhân, dòng chữ “căn cước”, nơi đăng ký khai sinh, nơi cư trú... việc thay đổi, cải tiến như trên để tạo thuận lợi hơn cho người dân trong quá trình sử dụng thẻ căn cước, hạn chế việc phải cấp đổi thẻ căn cước và bảo đảm tính riêng tư của người dân; các thông tin căn cước của người dân cơ bản sẽ được lưu trữ, khai thác, sử dụng thông qua chip điện tử trên thẻ căn cước. Đối với những thẻ căn cước công dân đã cấp thì vẫn còn nguyên giá trị sử dụng, không bị tác động bởi quy định này.

5. Về người được cấp thẻ căn cước, dự thảo Luật bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của họ; phát huy giá trị, tiện ích của thẻ căn cước trong hoạt động của Chính phủ số, xã hội số. Việc cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi sẽ thực hiện theo nhu cầu, còn đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên là bắt buộc.

6. Về cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam, đây là nội dung được bổ sung so với quy định của Luật Căn cước công dân năm 2014 nhằm bảo đảm quyền, lợi ích của người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam; đồng thời, phục vụ tốt hơn công tác quản lý nhà nước về dân cư.

7. Về tích hợp thông tin vào thẻ căn cước, dự thảo Luật bổ sung quy định về việc tích hợp một số thông tin có tính ổn định, được sử dụng thường xuyên của người dân ngoài thông tin về căn cước vào thẻ căn cước; việc sử dụng các thông tin tích hợp từ thẻ căn cước có giá trị tương đương như việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng các giấy tờ có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại

khác; qua đó, giúp giảm giấy tờ cho người dân, tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính.

8. Về căn cước điện tử, đây là nội dung được bổ sung so với quy định của Luật Căn cước công dân năm 2014. Dự thảo Luật quy định mỗi công dân chỉ có 01 căn cước điện tử; căn cước điện tử sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và thực hiện các giao dịch, hoạt động khác theo nhu cầu của công dân.

9. Về quy định chuyển tiếp, dự thảo Luật đã bổ sung quy định chuyển tiếp về việc sử dụng thẻ căn cước công dân đã được cấp; giá trị sử dụng của chứng minh nhân dân để không làm phát sinh thủ tục hành chính, tác động đến người dân khi Luật Căn cước được thông qua, có hiệu lực thi hành.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM TUYÊN TRUYỀN, GIẢI ĐÁP

Ngay sau Kỳ họp thứ 5 Quốc hội Khóa XV, Bộ Công an đã trực tiếp phối hợp với Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông họp chính lý, hoàn thiện dự thảo Luật Căn cước theo ý kiến của Đại biểu Quốc hội. Ngoài việc chính lý một số từ ngữ liên quan đến kỹ thuật soạn thảo văn bản, Bộ Công an cũng thống nhất với Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội về việc tiếp thu, chỉnh lý vào dự thảo Luật đối với 09 nhóm vấn đề gồm:

(1) Về giải thích từ ngữ (đã bổ sung giải thích đối với các thuật ngữ về sinh trắc học, định danh điện tử và xác thực điện tử đối với công dân Việt Nam, ứng dụng định danh quốc gia, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam...);

(2) Về quyền và nghĩa vụ của công dân và người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước;

(3) Về các hành vi bị nghiêm cấm (đã chỉnh lý, bổ sung các hành vi bị nghiêm cấm như không thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật này; sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi khác gây cản trở, rối loạn hoạt động của cơ sở hạ tầng thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử; khai thác, chia sẻ, mua, bán, trao đổi, chiếm đoạt, sử dụng trái phép thông tin dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử...);

(4) Về thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (đã bổ sung 02 nhóm thông tin được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm tên gọi khác, nơi sinh);

(5) Về thu thập, cập nhật, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (đã chỉnh lý quy định rõ theo hướng các

thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thu thập, cập nhật chủ yếu từ tàng thư do lực lượng Công an nhân dân quản lý và Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu hộ tịch và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật; chỉ đối với trường hợp một số thông tin cơ bản như họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi đăng ký khai sinh... dùng để tạo lập số định danh cá nhân mà chưa có hoặc chưa đầy đủ thì cơ quan quản lý căn cước mới yêu cầu người dân cung cấp; quy định này nhằm hạn chế tối đa việc tác động đến người dân);

(6) Về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước (đã chỉnh lý, bổ sung quy định nguyên tắc việc thu thập thông tin sinh trắc học về ADN và giọng nói được thực hiện trên cơ sở được thu thập khi người dân tự nguyện cung cấp hoặc lưu trữ thông tin có sẵn trong quá trình giải quyết vụ việc hình sự, hành chính có trung cầu giám định thông tin của đối tượng phục vụ cho công tác phòng, chống tội phạm và quy định rõ về việc chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước cho chặt chẽ, đầy đủ hơn);

(7) Về quy định liên quan đến thẻ căn cước (đã bổ sung, quy định rõ về loại thông tin được mã hoá, lưu trữ trong bộ phận lưu trữ trên thẻ căn cước, việc tích hợp thông tin vào thẻ căn cước; khai thác thông tin tích hợp được mã hoá trong thẻ căn cước và trường hợp cấp đổi thẻ căn cước do thay đổi nhân dạng, bổ sung thông tin ảnh khuôn mặt, vân tay hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, tên đơn vị hành chính...);

(8) Về giấy chứng nhận căn cước và quản lý người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được cấp giấy chứng nhận căn cước (đã chỉnh lý, bổ sung quy định rõ về nội dung quản lý người gốc Việt Nam, thông tin được in trên giấy chứng nhận căn cước, nơi làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận căn cước, giá trị sử dụng của giấy chứng nhận căn cước...);

(9) Về căn cước điện tử (đã chỉnh lý, bổ sung quy định rõ về thông tin trong căn cước điện tử, thẩm quyền cấp căn cước điện tử, giá trị sử dụng của căn cước điện tử...).

Ngoài 09 nhóm vấn đề nêu trên, Bộ Công an cũng thống nhất với Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội về dự thảo Báo cáo chung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật Căn cước sau Kỳ họp thứ 5 của Quốc hội; trong đó, đã thuyết minh, giải trình cụ thể các vấn đề mà Đại biểu Quốc hội còn có ý kiến khác.

Một là, về tên gọi của Luật Căn cước

Việc sử dụng tên của Luật là “Luật Căn cước” như hồ sơ Luật mà Chính phủ trình Quốc hội sẽ bảo đảm thể hiện đầy đủ chính sách sửa đổi, bổ sung tại dự án Luật lần này (bổ sung điều chỉnh đối với đối tượng là người gốc Việt Nam, căn cước điện tử), phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và

nội dung dự thảo Luật. Đồng thời, thể hiện đúng nội hàm của công tác quản lý căn cước là nhằm mục đích định danh, xác định rõ danh tính của từng con người cụ thể, phân biệt cá nhân này với cá nhân khác cũng như đáp ứng yêu cầu quản lý căn cước ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là phải quản lý đối với toàn bộ xã hội, mọi người dân sinh sống tại Việt Nam; bảo đảm các quyền của con người, quyền công dân theo quy định của Luật.

Việc lược bỏ cụm từ “công dân” trong tên Luật không tác động đến yếu tố chủ quyền quốc gia, vấn đề quốc tịch cũng như địa vị pháp lý của công dân. Nội dung Luật Căn cước cũng đã quy định phân biệt việc cấp căn cước cho công dân Việt Nam và cấp giấy chứng nhận căn cước cho những người chưa có đầy đủ các quyền như công dân Việt Nam.

Nếu để tên Luật là Luật Căn cước công dân sẽ không thể hiện được đầy đủ chính sách sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật này, tên Luật chưa bảo đảm phù hợp, bao quát đầy đủ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nội dung dự thảo Luật; kể cả việc chỉnh lý kỹ thuật như một số ý kiến tham gia theo hướng quy định việc quản lý đối với người gốc Việt Nam ở phần quy định chuyển tiếp của dự thảo Luật cũng chưa phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nội dung dự thảo văn bản cần phù hợp với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh của văn bản). Ngoài ra, quy định tên Luật là Luật Căn cước công dân cũng dẫn đến cách hiểu chỉ thể hiện việc quản lý căn cước đối với công dân Việt Nam, làm thu hẹp yêu cầu trong quản lý căn cước ở nước ta, không bảo đảm được yêu cầu quản lý căn cước đối với toàn bộ người dân sinh sống tại Việt Nam để bảo đảm các quyền con người, quyền công dân theo quy định Luật.

Hai là, về tên gọi của thẻ căn cước

Chính phủ đã thống nhất trình Quốc hội việc sử dụng tên thẻ là thẻ “căn cước” (thay cho thẻ “căn cước công dân” như hiện nay). Việc quy định như vậy giúp thể hiện đúng bản chất của thẻ là loại giấy tờ có chứa thông tin về căn cước của người dân; giúp phân biệt người này với người khác; xác định danh tính trong thực hiện giao dịch... Quy định tên gọi là thẻ căn cước cũng không tác động đến địa vị pháp lý về quốc tịch của công dân (vì trong thẻ đã thể hiện rõ thông tin về quốc tịch của người được cấp thẻ là quốc tịch Việt Nam).

Việc đổi tên thẻ thành thẻ căn cước còn để bảo đảm tương đồng với thông lệ quốc tế (*nhiều nước trên thế giới hiện nay cũng đang sử dụng là thẻ căn cước - Identity Card*). Việc thay đổi tên thẻ cũng để bảo đảm tính phổ quát, tạo tiền đề cho hội nhập quốc tế, cho việc thừa nhận, công nhận giấy tờ về căn cước giữa các nước trong khu vực và trên thế giới; hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung Luật khi Việt Nam có ký kết thỏa thuận với các quốc gia khác để sử dụng thẻ căn cước thay cho hộ chiếu trong việc đi lại giữa các quốc gia (ví dụ như đi lại trong khối ASEAN). Hiện nay, thẻ căn cước được thiết kế tuân thủ theo tiêu chuẩn chung của ICAO về tổ chức lưu trữ, khai thác thông tin trên chip điện tử; thẻ có

tính bảo mật cao, tiến tới thuận lợi cho người dân trong việc bảo quản, sử dụng trên trường quốc tế.

Nếu để tên thẻ là thẻ “căn cước công dân” thì chưa bảo đảm tương đồng về tên thẻ với thông lệ chung của thế giới; do vậy, có thể không sử dụng được thẻ khi hội nhập quốc tế nếu tiếp tục giữ tên thẻ.

Việc đổi tên thẻ không phát sinh thủ tục, chỉ phí đổi thẻ với người dân hoặc chỉ ngân sách nhà nước vì tại Điều 46 dự thảo Luật đã có quy định chuyển tiếp: *Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân vẫn nguyên hiệu lực pháp luật; Thẻ căn cước công dân quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị như thẻ căn cước được quy định tại Luật này.*

Ba là, về thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Về sự cần thiết thu thập các loại thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ chế thực hiện thu thập thông tin như sau:

Tại Điều 9 dự thảo Luật quy định 26 nhóm thông tin *(bao gồm cả thông tin về số định danh cá nhân do chính Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tạo lập cho công dân)* cần có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ chuyển đổi số quốc gia theo Đề án 06, trong đó:

- Nhóm thông tin của công dân bắt buộc phải thu thập gồm: (1) Họ, chữ đệm và tên khai sinh; (2) ngày, tháng, năm sinh; (3) giới tính; (4) nơi đăng ký khai sinh (các khoản 1, 4, 5, 7, 8, 9 và 11 Điều 9)... các nhóm thông tin này là thông tin để tạo lập “số định danh cá nhân” (khoản 3 Điều 9), giúp phân biệt người này với người khác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ công tác quản lý dân cư.

- Nhóm thông tin còn lại bao gồm: Nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại... là những thông tin cần thiết phải có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương; đáp ứng các mục tiêu chuyển đổi số của Đề án số 06; Công dân có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan nhà nước khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và được bảo đảm quyền lợi của công dân khi sử dụng các tiện ích, giá trị do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đem lại.

Về sự cần thiết của việc thu thập, cập nhật các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

- Đối với nhóm thông tin về hộ tịch và thông tin về nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại... cần có để phục vụ việc xác định về thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, thông tin địa vị pháp lý, quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân...

- Đối với thông tin về nhóm máu để phục vụ công tác cấp cứu, xây dựng nguồn máu dự phòng trong khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, xây dựng kế hoạch phát triển, dự phòng y tế...

- Đối với thông tin về số điện thoại di động, địa chỉ thư điện tử để bảo đảm sự liên lạc giữa cơ quan nhà nước với người dân (giải quyết thủ tục hành chính, tuyên truyền chính sách, cung cấp tin tức phòng chống tội phạm, xử lý tình huống đột xuất, phức tạp về quốc phòng, an ninh...); để thực hiện xác thực khi tạo lập, sử dụng căn cước điện tử hoặc thực hiện giao dịch với cơ quan nhà nước...

Hiện nay chỉ có Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là cơ sở dữ liệu duy nhất của nhà nước được Chính phủ đầu tư bài bản từ cơ sở hạ tầng, hệ thống phần mềm, được quản lý, giám sát bởi đội ngũ cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin, an ninh mạng; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là cơ sở dữ liệu dùng chung của cơ quan nhà nước, được kết nối, chia sẻ, phân cấp, phân quyền khai thác, sử dụng thông tin tới toàn bộ các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương. Việc truy xuất thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, nhanh chóng, thuận lợi nhưng vẫn bảo đảm tính bảo mật, an toàn thông tin. Nếu không lưu trữ các thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà sử dụng phương thức truy xuất từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì sẽ dẫn đến các khó khăn, bất cập sau:

(1) Không bảo đảm hiệu quả về kinh tế, khi nhà nước phải tốn nhiều chi phí để đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu khác đáp ứng được yêu cầu về kết nối, chia sẻ, khai thác, bảo mật.

(2) Không bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất trong việc thu thập, cập nhật, chuẩn hóa thông tin của người dân; có tình trạng thông tin của 01 người dân trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành là khác nhau, không thống nhất; do vậy, chỉ có thông qua việc đồng bộ, chuẩn hóa khi thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau) mới có cơ sở để kiểm tra, xác minh, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu của người dân.

Bốn là, về việc tích hợp thông tin vào thẻ căn cước và căn cước điện tử

Việc sử dụng thẻ căn cước gắn chip đã được tích hợp thêm thông tin khác là một phương thức mới, ngoài phương thức hiện hành là sử dụng các giấy tờ hiện có do cơ quan có thẩm quyền cấp cho người dân nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính và các giao dịch khác. Quy định này không xung đột với quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan trong việc quản lý, sử dụng các giấy tờ nêu trên; không ảnh hưởng đến chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương với các loại giấy tờ, dữ liệu đang quản lý.

Thông tin của người dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, thẻ căn cước, căn cước điện tử là thông tin quan trọng cần bảo vệ.

Theo đó, Luật Căn cước đã xác định rõ nguyên tắc quản lý căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước là bảo đảm quyền con người và quyền công dân, bảo vệ chặt chẽ và an toàn dữ liệu cá nhân. Đồng thời, trong triển khai thực tế, Bộ Công an có giải pháp để bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong khai thác dữ liệu từ thẻ căn cước có gắn chip.

Việc khai thác thông tin trong thẻ căn cước được phân cấp, phân quyền cụ thể, bảo đảm đối tượng khai thác chỉ được phép khai thác khi thực hiện trong chức năng, nhiệm vụ được giao và phải được người dân đó đồng ý thông qua việc xác thực bằng quét vân tay, khuôn mặt trên thiết bị hoặc qua ứng dụng VNeID (người dân có quyền cho phép tổ chức, cá nhân khai thác thông tin nào thì sẽ quyết định, phê duyệt trên ứng dụng VNeID). Trường hợp người dân bị mất thẻ căn cước mà chưa có điều kiện thực hiện việc cấp lại thẻ thì có thể thực hiện việc khai thác, sử dụng thông tin tích hợp qua căn cước điện tử.

Năm là, về quản lý người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam

Việc quản lý và bảo đảm địa vị pháp lý cho người gốc Việt Nam ở nước ta là yêu cầu cấp thiết, có tính lịch sử, đã tồn tại lâu nay ở nước ta do nhiều nguyên nhân khác nhau liên quan đến chiến tranh, di cư... Hiện nay chưa có bất kỳ văn bản luật nào giải quyết cơ bản, đầy đủ về vấn đề này. Người gốc Việt Nam là một bộ phận không nhỏ, không tách rời của dân tộc ta và cần được Nhà nước, xã hội thừa nhận. Thực tiễn hiện nay, nhiều cơ quan quản lý nhà nước không có bất cứ thông tin, dữ liệu gì về người gốc Việt Nam; việc này gây ra rất nhiều khó khăn trong quản lý đối với họ, nhất là trong vấn đề bảo đảm an ninh, trật tự khi họ vi phạm pháp luật; đồng thời đây cũng là cơ hội cho một số tổ chức, cá nhân cố tình lợi dụng vấn đề về nhân quyền để gây rối, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, Bộ Công an đã phối hợp với Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội bổ sung quy định giải thích thuật ngữ về *"Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam"* tại khoản 17 Điều 3 và chỉnh lý, bổ sung quy định tại Điều 30 quy định về điều kiện, nội dung quản lý nhà nước, thông tin thể hiện trong giấy chứng nhận căn cước, nơi làm thủ tục và thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận căn cước, giá trị sử dụng của giấy chứng nhận căn cước cho đầy đủ, rõ ràng.

TÀI LIỆU PHỤC VỤ TUYÊN TRUYỀN
VỀ DỰ ÁN LUẬT LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ
(Ngày 11/10/2023)

I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo Luật quy định về: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác, xây dựng lực lượng, bảo đảm điều kiện hoạt động và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Về vị trí, chức năng của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã được chỉnh lý thể hiện rõ hơn vị trí, chức năng là lực lượng quần chúng được tuyển chọn trên cơ sở tự nguyện tham gia hoạt động của người dân, do chính quyền thành lập, được ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động; cụ thể, dự thảo Luật quy định lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là lực lượng quần chúng được bố trí ở thôn, tổ dân phố; làm nòng cốt trong hỗ trợ Công an cấp xã thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở.

So với quy định của pháp luật hiện hành đang quy định lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách được thực hiện công tác quản lý, trực tiếp thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, dự thảo Luật đã điều chỉnh thay đổi về vị trí, chức năng của các lực lượng này sau khi được kiện toàn thống nhất đó là chuyển từ vị trí, chức năng quản lý, trực tiếp thực hiện biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự sang vị trí, chức năng là lực lượng hỗ trợ Công an cấp xã thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và làm nòng cốt trong hỗ trợ lực lượng Công an thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở và không chồng chéo với vị trí, chức năng của lực lượng Công an cấp xã.

3. Về nhiệm vụ của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã được rà soát về nhiệm vụ của lực lượng này bảo đảm tính khả thi, phù hợp với năng lực, trình độ, không chồng chéo, không trùng lặp với nhiệm vụ của Công an cấp xã và các lực lượng khác ở cơ sở và thể hiện rõ là lực lượng tham gia hỗ trợ cho Công an cấp xã với 06 nhóm nhiệm vụ cụ thể.

4. Về tiêu chuẩn tuyển chọn, kiện toàn, bố trí lực lượng: Trên cơ sở tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã được chỉnh lý quy định cụ thể hơn về tiêu chuẩn lý lịch, đạo đức, sức khỏe, trình độ văn hóa và việc bố trí lực lượng trên cơ sở kiện toàn thống nhất lực lượng Bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng và các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng thành lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và được bố trí ở thôn, tổ dân phố theo mô hình Tổ bảo vệ an ninh, trật tự phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính khả

thì, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở, bảo đảm không tăng biên chế, không bị lãng phí nguồn nhân lực.

Dự thảo Luật quy định kiện toàn thống nhất các lực lượng, chức danh thành một đầu mối sẽ góp phần giảm chi ngân sách, bảo đảm linh hoạt, chủ động, nhanh chóng trong chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy ở địa bàn cơ sở; khắc phục được những chồng chéo, mâu thuẫn trong thực hiện nhiệm vụ giữa các lực lượng hiện nay.

5. Về bảo đảm điều kiện hoạt động: Dự thảo Luật quy định lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng mức tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế; được bảo đảm nơi làm việc, bồi dưỡng, huấn luyện, trang bị công cụ hỗ trợ, trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận; bảo đảm chế độ, chính sách khi thực hiện nhiệm vụ bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương, hy sinh.

Đây là nhóm chính sách lớn của dự án Luật được nhiều đại biểu Quốc hội quan tâm, cho ý kiến và các nội dung này cũng đã được Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, khảo sát, thống kê, đánh giá toàn diện về thực trạng tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách, bảo đảm điều kiện hoạt động của các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở hiện nay và các quan hệ xã hội có liên quan làm cơ sở đề xuất nội dung quy định trong dự thảo Luật bảo đảm tính khả thi.

II. NHỮNG NỘI DUNG TRỌNG TÂM TUYÊN TRUYỀN, GIẢI ĐÁP

1. Về tổng hợp ý kiến tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật

Dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đã được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV. Đây là dự án Luật nhận được nhiều sự quan tâm, cho ý kiến của các đại biểu Quốc hội, các cơ quan, tổ chức, các chuyên gia, nhà khoa học, đối tượng bị tác động và đại đa số các ý kiến đều đồng thuận, nhất trí về sự cần thiết ban hành Luật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khách quan trong việc bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở đã được xác định trong các văn bản của Đảng, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đồng thời kiện toàn, tinh gọn đầu mối gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tạo cơ sở pháp lý vững chắc, toàn diện, xây dựng, củng cố, duy trì lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã có 144 lượt ý kiến phát biểu của các đại biểu Quốc hội, trong đó có 125 lượt ý kiến tại Tổ, 19 lượt ý kiến tại Hội trường; bên cạnh đó, dự án Luật đã được lấy ý kiến tại hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và các Đoàn đại biểu Quốc hội cũng đã cho ý kiến bằng văn bản. Theo đó, các ý kiến tham gia cơ bản đều nhất trí về sự cần thiết ban hành Luật, nhất trí với

nhiều nội dung của dự thảo Luật và đã cho ý kiến vào các nội dung cụ thể của dự thảo Luật. Trên cơ sở ý kiến của các đại biểu Quốc hội, Bộ Công an đã trực tiếp phối hợp với Ủy ban Quốc phòng và An ninh, các Ủy ban của Quốc hội, các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và xây dựng Báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật.

2. Về những nội dung còn có ý kiến khác nhau

Qua tổng hợp ý kiến của các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV, ý kiến của các đoàn đại biểu Quốc hội cho thấy, về cơ bản đại đa số các ý kiến tham gia đều nhất trí về sự cần thiết ban hành Luật, nhất trí với nhiều nội dung của dự thảo Luật. Bên cạnh đó, còn có ý kiến khác nhau về 05 nội dung lớn của dự thảo Luật; bao gồm:

Thứ nhất, về tên gọi của Luật có một số ý kiến đề nghị chỉnh lý là “Luật Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở”, “Luật Lực lượng hỗ trợ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở”, “Luật Bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở” hoặc “Luật về công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở dựa vào cộng đồng” hoặc “Luật Tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở”

Bộ Công an đã phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội nghiên cứu và thấy rằng tên gọi “Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” đã khái quát đầy đủ và tương đối thống nhất với nội dung dự thảo Luật, phù hợp với mục tiêu xây dựng Luật. Tên gọi này thể hiện đúng bản chất là lực lượng “tham gia hỗ trợ” cho Công an cấp xã trong bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và cũng đã được Chính phủ nghiên cứu, thảo luận kỹ, nhiều lần trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Mặt khác, hiện nay ngoài các lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách và dân phòng, còn có các lực lượng quần chúng tự quản được quần chúng nhân dân tự thành lập ra để thực hiện các công việc bảo vệ an ninh, trật tự. Theo đó, để huy động sức mạnh của toàn dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, dự thảo Luật đã quy định rõ lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là lực lượng làm nòng cốt trong hỗ trợ lực lượng Công an thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở. Vì vậy, Bộ Công an đề nghị giữ tên Luật và tên lực lượng như dự thảo Chính phủ trình Quốc hội.

Thứ hai, về đề nghị mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật để bao quát hết các lực lượng có tính chất tự nguyện, tự quản tham gia hỗ trợ Công an cấp xã bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Dự thảo Luật quy định kiện toàn thống nhất các lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng, Công an xã bán chuyên trách, các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng thành 01 lực lượng chung với tên gọi là lực lượng tham gia bảo vệ an ninh,

trật tự ở cơ sở. Một số ý kiến đề nghị mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật để bao quát hết các lực lượng có tính chất tự nguyện, tự quản tham gia hỗ trợ Công an cấp xã bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Về ý kiến nêu trên, Bộ Công an đã phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội nghiên cứu và đề nghị không mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật; bởi vì: Theo quy định tại Điều 46 Hiến pháp năm 2013 thì mọi công dân đều có nghĩa vụ tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Luật Công an nhân dân (khoản 1 Điều 14) quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ Công an nhân dân thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật. Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, Luật Công an nhân dân và các luật khác có liên quan như Luật Thanh niên năm 2020, Pháp lệnh Cựu chiến binh năm 2005, Luật Phòng cháy, chữa cháy năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) và điều lệ của các tổ chức hội, đoàn thể thì trên thực tế có nhiều lực lượng tình nguyện, tự quản tham gia hỗ trợ Công an nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Tuy nhiên, hỗ trợ có tính chất thường xuyên, nòng cốt, có quá trình thực hiện lâu dài trên phạm vi toàn quốc thì chỉ có 03 lực lượng, đó là bảo vệ dân phố, dân phòng và Công an xã bán chuyên trách; còn lực lượng thuộc các tổ chức hội, đoàn thể, lực lượng tình nguyện, tự quản khác... tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trên cơ sở pháp lý được quy định trong các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của các lực lượng này là khác biệt so với 03 lực lượng được kiện toàn nêu trên.

Mục tiêu của việc xây dựng Luật này là tạo cơ sở pháp lý để sắp xếp, kiện toàn lại các lực lượng, chức danh sẵn có thành 01 lực lượng thống nhất với chức năng, nhiệm vụ tập trung, làm nòng cốt trong hỗ trợ Công an chính quy bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với lực lượng thuộc các tổ chức hội, đoàn thể, lực lượng tình nguyện, tự quản, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, bảo vệ chung cư... sẽ không phù hợp về vị trí, vai trò, cũng như tính chất hoạt động giữa lực lượng do chính quyền thành lập với lực lượng hoạt động tự nguyện, tự quản ở cộng đồng dân cư, cơ sở.

Về phạm vi điều chỉnh của Luật đã được Chính phủ thảo luận, cân nhắc thận trọng và có đầy đủ căn cứ, cơ sở nên đề nghị Quốc hội không mở rộng phạm vi điều chỉnh để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Thứ ba, về đề nghị quy định quyền hạn của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và quy định độ tuổi tối đa khi tham gia lực lượng này

Về các ý kiến nêu trên, Bộ Công an đã phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội nghiên cứu, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Chính phủ trình và không quy định quyền hạn của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; bởi vì: Quyền hạn phải gắn với việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và thực thi quyền lực nhà nước. Đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là lực lượng quần chúng tự nguyện được tuyển chọn tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, không thực hiện chức năng quản lý nhà nước mà tính chất hoạt động là tham gia hỗ trợ theo sự hướng dẫn, phân công, chỉ đạo trực tiếp của Công an cấp xã nên việc quy định quyền hạn của lực lượng này là không phù hợp.

Về quy định độ tuổi tối đa khi tham gia lực lượng này đã được Bộ Công an, Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội nghiên cứu và thấy rằng, theo dự thảo Luật thì một trong những tiêu chuẩn để công dân được tuyển chọn tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là bảo đảm tiêu chuẩn về sức khỏe theo quy định. Mặt khác, nếu giới hạn độ tuổi tối đa sẽ khó thu hút người dân tham gia, nhất là những người dù nhiều tuổi nhưng vẫn đủ sức khỏe, có kiến thức, tâm huyết, trách nhiệm trong công tác xã hội. Đồng thời, từ trước đến nay, pháp luật cũng chưa quy định độ tuổi tối đa trong việc tuyển chọn người tham gia lực lượng dân phòng, bảo vệ dân phố và Công an xã bán chuyên trách, nên việc bổ sung quy định độ tuổi tối đa đối với người tham gia lực lượng là không phù hợp với thực tế. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo Luật như Chính phủ trình là không quy định độ tuổi tối đa khi tham gia lực lượng này.

Thứ tư, về đề nghị quy định khung tối đa số lượng Tổ và khung tối đa số lượng các chức danh của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Về ý kiến nêu trên, Bộ Công an đã phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội nghiên cứu và đề nghị giữ nguyên như dự thảo Chính phủ trình đó là không quy định khung tối đa số lượng nêu trên; bởi vì: Nếu quy định “cứng” về khung về số lượng Tổ, số lượng các chức danh của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự sẽ không phù hợp với tình hình thực tiễn, không sát với nhu cầu của từng thôn, tổ dân phố, vì mỗi vùng miền, khu vực thành thị, nông thôn có sự khác nhau. Do đó, dự thảo Luật quy định theo hướng “mở” để chính quyền địa phương căn cứ yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương để quyết định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng người tham gia hoạt động là phù hợp và bảo đảm tính khả thi.

Thứ năm, về đề nghị quy định khung, quy định cụ thể mức tối thiểu hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế trong dự thảo Luật

Về ý kiến nêu trên, Bộ Công an đã phối hợp với Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội nghiên cứu và đề nghị giữ nguyên như dự thảo Chính phủ trình đó là không quy định khung, không quy định cụ thể mức tối thiểu hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế trong dự thảo Luật; bởi vì: Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là lực lượng quần chúng được tuyển chọn tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, dưới sự quản lý và do chính quyền cơ sở bảo đảm kinh phí chi trả chế độ, chính sách; nếu quy định “cứng” trong Luật về khung mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng và khung mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế sẽ không phù hợp với thực tế, nhất là ở các địa phương còn khó khăn về kinh tế, xã hội và có thể là áp lực về ngân sách đối với các địa phương chưa tự chủ được ngân sách. Về nội dung này trong quá trình hoàn thiện dự án Luật, Bộ Công an cũng đã trao đổi, xin ý kiến và các địa phương thống nhất quy định theo hướng mở như thể hiện trong dự thảo Luật.

Do đó, Bộ Công an đề nghị tiếp tục giữ nguyên nội dung đã được Chính phủ báo cáo Quốc hội quy định theo hướng mở để chính quyền địa phương quyết định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, quyết định mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở để phù hợp với thực tế điều kiện ở từng địa phương và bảo đảm tính khả thi của Luật.

3. Về tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ chỉ đạo, tính toán đầy đủ, cụ thể (nhân lực, vật lực, tài lực) và đánh giá kỹ lưỡng tác động về biên chế, kinh phí và khả năng đảm bảo theo quy định của dự thảo Luật, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đánh giá và đã có Báo cáo số 518/BC-CP ngày 06/10/2023 của Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá về chế độ, chính sách, kinh phí, nguồn nhân lực bảo đảm thực hiện theo quy định của dự thảo Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, cụ thể như sau:

Tính đến hết tháng 12/2022, tổng số thôn, tổ dân phố trong toàn quốc đã giảm xuống còn 84.721 thôn, tổ dân phố (*hồ sơ dự án Luật vào thời điểm khảo sát là 103.568 thôn, tổ dân phố*) và mức lương cơ sở từ ngày 01/7/2023 đã điều chỉnh tăng lên là 1.800.000 đồng (*hồ sơ dự án Luật đang tính theo mức lương cơ sở trước ngày 01/7/2023 là 1.490.000 đồng*). Trường hợp 84.721 thôn, tổ dân phố đều thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thì toàn quốc có 84.721 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (trung bình mỗi Tổ có 03 người) và dự kiến tổng kinh phí cần bảo đảm để thực hiện theo quy định của dự thảo Luật là **3.505 tỷ đồng/năm**. Trung bình 01 tỉnh, thành phố cần

bảo đảm khoảng 55.6 tỷ đồng/năm, tương ứng khoảng 4.6 tỷ đồng/01 tháng. Tuy nhiên, do dự thảo Luật quy định mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có thể phụ trách một hoặc một số thôn, tổ dân phố thuộc cấp xã hoặc tại huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã nên khi triển khai thi hành Luật thì tổng số Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có thể giảm xuống, kéo theo tổng kinh phí bảo đảm cũng sẽ giảm theo.

Như vậy, nếu thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự với nguồn nhân lực trước hết là được kiện toàn từ lực lượng Bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng, Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và với cách dự tính nêu trên thì sẽ không tăng về số lượng người tham gia hoạt động và không tăng về tổng kinh phí bảo đảm so với thực tiễn đang chi trả hiện nay. Về lâu dài, tổng số lượng thôn, tổ dân phố tiếp tục giảm do sáp nhập nên các địa phương sẽ có điều kiện tập trung bảo đảm chế độ, chính sách tốt hơn nữa cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở./.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 518/BC-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
về đánh giá chế độ, chính sách, kinh phí, nguồn nhân lực
bảo đảm thực hiện theo quy định của dự thảo
Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Ngày 28/8/2023, Tổng Thư ký Quốc hội có văn bản số 2741/TB-TTKQH thông báo Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có ý kiến: "*Đề nghị Chính phủ chỉ đạo tính toán đầy đủ, cụ thể (nhân lực, vật lực, tài lực) và đánh giá kỹ lưỡng tác động về biên chế, kinh phí và khả năng đảm bảo để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội*". Thực hiện Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá các nội dung liên quan đến chế độ, chính sách, kinh phí, nguồn nhân lực bảo đảm khi Luật được ban hành, cụ thể như sau:

1. Sự thay đổi về số lượng thôn, tổ dân phố và điều chỉnh mức lương cơ sở

Trên cơ sở thống kê, đánh giá thực trạng hiện nay cho thấy, đến hết tháng 12/2022, tổng số thôn, tổ dân phố trong toàn quốc đã giảm xuống còn 84.721 thôn, tổ dân phố (*hồ sơ dự án Luật vào thời điểm khảo sát là 103.568 thôn, tổ dân phố*) và mức lương cơ sở từ ngày 01/7/2023 đã điều chỉnh tăng lên là 1.800.000 đồng (*hồ sơ dự án Luật đang tính theo mức lương cơ sở trước ngày 01/7/2023 là 1.490.000 đồng*).

2. Về mức chi hiện nay: Mức chi hiện nay trong toàn quốc cho các lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng, các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng đã được điều chỉnh tăng lên, trung bình là khoảng 3.570 tỷ đồng/năm để chi trả cho các chế độ sau đây:

a) Chi trả chế độ phụ cấp hằng tháng cho lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng và chi hỗ trợ hằng tháng cho đội trưởng, đội phó đội dân phòng trong toàn quốc trung bình là khoảng 2.671 tỷ đồng/năm; trong đó:

- Theo quy định của Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 về bảo vệ dân phố thì ở phường thành lập Ban bảo vệ dân phố và ở cụm dân cư thành lập Tổ bảo vệ dân phố. Theo đó, chi phụ cấp cho bảo vệ dân phố là khoảng 763 tỷ đồng/năm (2.060 trưởng ban $\times 0,7 + 2.060$ phó ban $\times 0,6 + 16.182$ uỷ viên kiêm tổ trưởng $\times 0,48 + 16.182$ tổ trưởng $\times 0,5 + 16.182$ tổ phó $\times 0,4 + 34.359$ tổ viên $\times 0,3$) $\times 1,8$ triệu đồng/tháng $\times 12$ tháng).

- Chi cho Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng là khoảng 459 tỷ đồng/năm (70.867 người $\times 0,3 \times 1,8$ triệu đồng/tháng $\times 12$ tháng).

- Theo quy định của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy thì mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng không thấp hơn 15% lương tối thiểu vùng. Theo đó, chi hỗ trợ cho đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo quy định không thấp hơn 15% mức lương tối thiểu vùng, tương ứng là khoảng 1.449 tỷ đồng/năm (80.549 đội trưởng $\times 0,85$ triệu đồng/tháng $+ 80.549$ đội phó $\times 0,65$ triệu đồng/tháng $\times 12$ tháng).

b) Chi hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế; trang bị công cụ hỗ trợ, hồ sơ, sổ sách, thiết bị làm việc; bảo đảm trang phục, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia hoạt động là khoảng 899 tỷ đồng/năm; trong đó:

- Chi hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế trung bình toàn quốc là khoảng 720 tỷ đồng/năm.

- Chi bảo đảm trang bị công cụ hỗ trợ, hồ sơ, sổ sách, thiết bị làm việc trung bình toàn quốc là khoảng 154 tỷ đồng/năm.

- Chi bảo đảm trang phục, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia hoạt động trung bình toàn quốc là khoảng 25 tỷ đồng/năm.

Như vậy, tổng mức chi trung bình trong toàn quốc tại các điểm (a), (b) nêu trên là khoảng 3.570 tỷ đồng/năm; trung bình 01 tỉnh, thành phố chi trả khoảng 56.7 tỷ đồng/năm, tương ứng khoảng 4.7 tỷ đồng/01 tháng.

3. Dự kiến mức chi và tổng kinh phí cần bảo đảm để thực hiện theo quy định của dự thảo Luật

Tính đến hết tháng 12/2022, toàn quốc có 84.721 thôn, tổ dân phố. Trường hợp 84.721 thôn, tổ dân phố đều thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự với 84.721 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thì dự kiến mức chi và tổng kinh phí cần bảo đảm để thực hiện theo quy định của dự thảo Luật, cụ thể như sau:

3.1. Dự kiến mức chi theo quy định của dự thảo Luật

a) Kinh phí chi trả hỗ trợ hằng tháng cho tổ trưởng, tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự bằng mức chi trả hỗ trợ hằng tháng cho đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo quy định của pháp luật hiện hành với mức từ 15% đến 20% mức lương tối thiểu vùng (tương ứng từ 650 nghìn đồng đến 850 nghìn đồng); chi hỗ trợ hằng tháng cho tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự bằng mức chi hằng tháng cho tổ viên tổ bảo vệ dân phố tương ứng khoảng 0,3 mức lương cơ sở (540 nghìn đồng).

Theo đó, kinh phí trung bình 01 năm để chi trả hỗ trợ hằng tháng cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là khoảng 2.073 tỷ đồng/năm ((84.721 thôn, tổ dân phố x 01 tổ trưởng x 850 nghìn đồng/tháng + 84.721 thôn, tổ dân phố x 01 tổ phó x 650 nghìn đồng/tháng + 84.721 thôn, tổ dân phố x 01 tổ viên x 540 nghìn đồng/tháng) x 12 tháng).

b) Kinh phí chi hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trung bình là khoảng 1.006 tỷ đồng/năm (84.721 thôn, tổ dân phố x 03 người/Tổ x 22% x 1,5 triệu đồng/tháng x 12 tháng).

c) Kinh phí chi hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trung bình là khoảng 247 tỷ đồng/năm (84.721 thôn, tổ dân phố x 03 người/Tổ x 0,045 x 1,8 triệu đồng/tháng x 12 tháng).

d) Kinh phí chi bảo đảm trang bị công cụ hỗ trợ, hồ sơ, sổ sách, thiết bị làm việc cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trung bình là khoảng 154 tỷ đồng/năm.

đ) Kinh phí chi bảo đảm trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trung bình là khoảng 25 tỷ đồng/năm.

3.2. Dự kiến tổng kinh phí cần bảo đảm để thực hiện: Với dự kiến mức chi nêu trên thì tổng kinh phí cần bảo đảm để thực hiện là 3.505 tỷ đồng/năm (2.073 tỷ đồng + 1.006 tỷ đồng + 247 tỷ đồng + 154 tỷ đồng + 25 tỷ đồng). Trung bình 01 tỉnh, thành phố cần bảo đảm khoảng 55.6 tỷ đồng/năm, tương ứng khoảng 4.6 tỷ đồng/01 tháng.

4. Về nguồn nhân lực bảo đảm

Tiếp tục sử dụng nguồn nhân lực đang thực tế hoạt động hiện nay để tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Theo số liệu tổng hợp, thống kê hiện nay trong toàn quốc có khoảng 300.000 người đang tham gia hoạt động trong lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp

tục sử dụng và các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng (có 66.723 thành viên bảo vệ dân phố, 70.867 Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng và 161.098 đội trưởng, đội phó đội dân phòng). Theo đó, sẽ tiếp tục sử dụng các lực lượng, chức danh đang hoạt động hiện nay và kiện toàn thống nhất thành lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở với khoảng 300.000 người và bố trí thành Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố theo mô hình Tổ bảo vệ an ninh, trật tự phù hợp với điều kiện, yêu cầu của từng địa phương. Với việc điều chỉnh theo hướng này không làm tăng số lượng người tham gia hoạt động mà tiếp tục sử dụng lực lượng đang hiện có.

Chính phủ thấy rằng, với việc kế thừa sử dụng lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng và các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng là khoảng 300.000 người sẽ bảo đảm phù hợp, khả thi và là nguồn nhân lực quan trọng để các địa phương tiếp tục sử dụng và kiện toàn thống nhất thành một lực lượng chung để tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Dự thảo Luật quy định theo hướng các địa phương căn cứ yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, khả năng, điều kiện của từng địa phương để quyết định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập và số lượng người tham gia hoạt động trong lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tăng hoặc giảm phù hợp với điều kiện, khả năng, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự của từng địa phương.

5. Đánh giá khả năng bảo đảm khi Luật được ban hành

Hiện nay, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vẫn đang thực tế hoạt động và các địa phương trong toàn quốc đều đang thực hiện chi trả chế độ, chính sách cho các lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng và các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo quy định của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh (đây là những lực lượng, chức danh được kiện toàn thống nhất thành lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của dự thảo Luật). Trên cơ sở đánh giá thực trạng về nguồn nhân lực và mức chi hiện nay mà các địa phương đang thực hiện và so sánh với dự kiến mức chi, tổng kinh phí cần bảo đảm để thực hiện chính sách theo quy định của dự thảo Luật cho thấy là cân đối và bảo đảm tính khả thi để áp dụng khi Luật được ban hành.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về đánh giá chế độ, chính sách, kinh phí, nguồn nhân lực bảo đảm thực hiện theo quy định của dự thảo Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Chính phủ xin báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Văn phòng Quốc hội;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Bộ Công an;
- Bộ Tư pháp;
- VPCP: BTCN, PCN Cao Huy,
các Vụ: NC, TCCV, QHĐP;
- Lưu: VT, PL(2).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN



Đại tướng Tô Lâm

